
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4 NĂM 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

(Áp dụng cho doanh nghiệp đáp ứng giả định hoạt động liên tục)

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
1	2	3	4	5
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		20.314.686.611	11.616.446.852
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	4.945.352.759	3.907.414.389
1. Tiền	111		1.945.352.759	907.414.389
2. Các khoản tương đương tiền	112		3.000.000.000	3.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120			
1. Chứng khoán kinh doanh	121			
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122			
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		9.278.643.253	2.454.383.128
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	8.336.579.361	1.766.273.763
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	28.650.401	52.548.796
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4	700.000.000	500.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	247.476.693	169.623.771
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.6	(34.063.202)	(34.063.202)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139			
IV. Hàng tồn kho	140		6.063.223.836	5.111.468.896
1. Hàng tồn kho	141	V.7	6.063.223.836	5.111.468.896
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		27.466.763	143.180.439
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	27.466.763	45.089.859
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152			
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14		98.090.580
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154			
5. Tài sản ngắn hạn khác	155			
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		197.404.263.198	60.529.195.989
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		180.400.000.000	50.400.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212			
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213			
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214			
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215			
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	180.400.000.000	50.400.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
II. Tài sản cố định	220		9.397.421.871	7.584.049.188



Công Ty Cổ Phần Phát hành sách Thái Nguyên
Số 65 đường Hoàng Văn Thụ - TP. Thái Nguyên

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
1	2	3	4	5
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	8.820.222.725	7.584.049.188
- Nguyên giá	222		15.909.834.732	14.088.322.824
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(7.089.612.007)	(6.504.273.636)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.10	577.199.146	
- Nguyên giá	225		692.638.978	
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		(115.439.832)	
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	0	0
- Nguyên giá	228		168.000.000	168.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(168.000.000)	(168.000.000)
III. Bất động sản đầu tư	230			
- Nguyên giá	231			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232			
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		550.049.174	2.112.963.545
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		550.049.174	2.112.963.545
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250			
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252			
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253			
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254			
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			
VI. Tài sản dài hạn khác	260		7.056.792.153	432.183.256
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	7.056.792.153	432.183.256
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263			
4. Tài sản dài hạn khác	268			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		217.718.949.809	72.145.642.841
NGUỒN VỐN				
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		18.621.663.712	3.918.834.167
I. Nợ ngắn hạn	310		17.882.689.608	3.708.834.167
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	1.565.796.022	2.105.623.906
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	341.001	22.000.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	297.059.262	241.780.818
4. Phải trả người lao động	314		278.949.400	279.100.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315			
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317			
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.15	5.751.072.717	866.818.175
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16a	114.372.000	117.158.768
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18a	9.798.746.706	
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.17	76.352.500	76.352.500

Công Ty Cổ Phần Phát hành sách Thái Nguyên
Số 65, đường Hoàng Văn Thụ - TP. Thái Nguyên

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
1	2	3	4	5
13. Quỹ bình ổn giá	323			
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324			
II. Nợ dài hạn	330		738.974.104	210.000.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331			
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
3. Chi phí phải trả dài hạn	333			
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334			
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335			
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336			
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.16b	210.000.000	210.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18b	528.974.104	
9. Trái phiếu chuyển đổi	339			
10. Cổ phiếu ưu đãi	340			
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341			
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342			
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343			
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		199.097.286.097	68.226.808.674
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	199.097.286.097	68.226.808.674
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		195.000.000.000	65.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		195.000.000.000	65.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		29.736.000	29.736.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		205.199.847	205.199.847
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415			
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		464.211.628	464.211.628
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420			
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.398.138.622	2.527.661.199
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		2.527.661.199	697.540.764
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		870.477.423	1.830.120.435
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	431			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		217.718.949.809	72.145.642.841

Công Ty Cổ Phần Phát hành sách Thái Nguyên
Số 65 đường Hoàng Văn Thụ - TP. Thái Nguyên

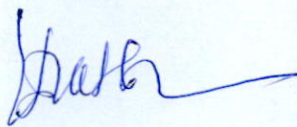
Lập, Ngày 20 tháng 01 năm 2021

Người lập biểu
(Ký, họ tên)



Đỗ Thị Duyên

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)



Nguyễn Thị Lan Hương

Phó giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Lê Thị Mai Liên

Mẫu số: B02-DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý 4 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý 4		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm 2020	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2019
1	2	3	4	5	4	5
I. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	7.653.506.927	4.943.379.447	22.438.583.537	20.389.022.377
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	110.270.787	67.586.210	208.642.485	368.907.701
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		7.543.236.140	4.875.793.237	22.229.941.052	20.020.114.676
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	4.751.363.196	3.140.908.037	14.037.777.429	13.005.281.953
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		2.791.872.944	1.734.885.200	8.192.163.623	7.014.832.723
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	44.212.730	44.107.037	158.734.026	81.058.207
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	174.241.212		235.082.241	255.356.046
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		174.241.212		235.082.241	255.356.046
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	746.815.907	742.435.891	2.738.408.861	2.872.827.233
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	1.415.510.407	554.663.554	4.191.493.494	1.678.988.231
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - 25 - 26)	30		499.518.148	481.892.792	1.185.913.053	2.288.719.420
11. Thu nhập khác	31	VI.8	29.063.809	23.407.407	693.725.980	63.348.200
12. Chi phí khác	32	VI.9	2.362.074	29.916.307	744.301.736	30.403.441
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		26.701.735	(6.508.900)	(50.575.756)	32.944.759
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		526.219.883	475.383.892	1.135.337.297	2.321.664.179
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10	105.243.977	95.076.778	264.859.874	491.543.744
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52					
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		420.975.906	380.307.114	870.477.423	1.830.120.435
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70					
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71					

Ghi chú:

Người lập biểu


(Ký, họ tên)



Đỗ Thị Duyên

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)



Nguyễn Thị Lan Hương

Lập, Ngày 20 tháng 01 năm 2021

Phó giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Lã Thị Mai Liên

Mẫu số: B03-DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		22.997.958.199	20.229.252.477
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(24.409.109.319)	(13.422.603.743)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(3.457.772.931)	(2.762.279.301)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(235.082.241)	(813.540.795)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(340.350.369)	(661.233.658)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		475.859.069	1.079.953.997
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(133.623.764.783)	(54.627.417.592)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh	20		(138.592.262.375)	(50.977.868.615)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(16.344.679)	(758.145.909)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(700.000.000)	(500.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		500.000.000	
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		138.384.614	73.167.797
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(77.960.065)	(1.184.978.112)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		130.000.000.000	63.000.000.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền thu từ đi vay	33		10.221.926.057	1.100.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(423.179.351)	(8.601.072.626)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(90.585.896)	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			

Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		139.708.160.810	55.498.927.374
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30)	50		1.037.938.370	3.336.080.647
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		3.907.414.389	571.333.742
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	V.1	4.945.352.759	3.907.414.389

Lập, Ngày 20 tháng 01 năm 2021

Người lập biểu

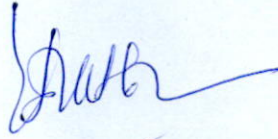
(Ký, họ tên)



Đỗ Thị Duyên

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)



Nguyễn Thị Lan Hương

Phó giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Lê Thị Mai Liên

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4 NĂM 2020

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4 NĂM 2020

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Kinh doanh thương mại
3. **Ngành nghề kinh doanh** :
Hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong năm bao gồm:
 - Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da, nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh, hàng gốm, sứ, thủy tinh; đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; dụng cụ thể dục thể thao; đồ dùng khác cho gia đình;
 - Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh; trò chơi, đồ chơi; sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; đồ uống; dụng cụ thể dục thể thao và các mặt hàng khác trong các cửa hàng chuyên doanh.
 - Cho thuê mặt bằng./.
4. **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**: Trong vòng 12 tháng
5. **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên BCTC**: Số liệu BCTC Quý 4 năm 2020 hoàn toàn nhất quán và đảm bảo tính so sánh được với số liệu Báo cáo tài chính bán niên năm 2019.

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Kỳ kế toán năm**
Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4 NĂM 2020

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo thực tế phát sinh có đầy đủ chứng từ hợp lý hợp lệ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo qui định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu.

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào cuối năm khi có sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho. Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại vật tư, hàng hóa, sản phẩm tồn kho theo qui định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu...

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

a) Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được Tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá Tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi Tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4 NĂM 2020

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính

Số năm khấu hao của các loại Tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 25
Máy móc và thiết bị	5 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 – 10

b) Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐVH

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty là Phần mềm máy tính. Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

6. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước ghi nhận chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động Sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí Sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

7. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Các khoản phải trả thỏa mãn định nghĩa của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại cuối kỳ khi lập Báo cáo tài chính.

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, và chi phí lãi tiền vay phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí thực tế phát sinh phải được quyết toán với chi phí phải trả đã trích trước, chênh lệch sẽ được hoàn nhập hoặc hạch toán tiếp vào chi phí.

9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4 NĂM 2020

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Vốn khác thuộc chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Lợi nhuận chưa phân phối

Ghi nhận kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

Các quỹ khác

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn hàng năm.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng./.

b) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn./.

11. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh;

- Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì doanh nghiệp được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

+ Nếu sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính, kế toán phải coi đây là một sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán và ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước).

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4 NĂM 2020

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

+ Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

12. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán.

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

13. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái....

14. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4 NĂM 2020

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

16. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Tiền mặt	810.323.892	543.836.801
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.135.028.867	363.577.588
Ngân hàng TMCP Công Thương VN - CN Thái Nguyên	43.735.415	34.678.700
Ngân hàng TMCP Á Châu - CN Thái Nguyên	145.929.643	14.989.761
Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Thái Nguyên	24.023.238	3.040.679
Ngân hàng CPTM Đông Nam Á - CN Thái Nguyên	46.699.993	273.638.891
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Thái Nguyên	25.210.515	37.229.557
Ngân hàng Wooribank	849.430.063	-
Các khoản tương đương tiền (*)	3.000.000.000	3.000.000.000
Cộng	4.945.352.759	3.907.414.389

(*) Là khoản tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 03 tháng tại ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Thái Nguyên

2. Phải thu của khách hàng ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Phải thu các bên liên quan	7.856.587.975	963.476.488
Công ty CP thương mại Thái Hưng	7.856.587.975	963.476.488
Phải thu các khách hàng khác	479.991.386	802.797.275
Bệnh viện đa khoa Trung Ương Thái Nguyên		223.560.000
Công ty CP Đầu tư TDT	65.759.725	61.127.000
Công ty CP cơ khí mở việt bắc WMI	54.132.000	30.600.000
Các khách hàng khác	360.099.661	487.510.275
Cộng	8.336.579.361	1.766.273.763

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Tổng Công Ty Giấy Việt Nam	22.259.177	22.259.177
Công ty TNHH MTV Sách Việt Nam	6.078.219	6.078.219
Cty TNHH Thương mại Thế Giới Vàng		9.372.000
Công ty TNHH TM Việt Mode		-
Các nhà cung cấp khác	313.005	14.839.400
Cộng	28.650.401	52.548.796

4. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
--	-------------------	------------------

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4 NĂM 2020

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Nguyễn Xuân Quỳnh		500.000.000
Dương Thị Thanh Hương	300.000.000	
Nguyễn Thị Lan	400.000.000	
Cộng	<u>700.000.000</u>	<u>500.000.000</u>

5. Các khoản phải thu khác**a, Ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu kỳ</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Tạm ứng	107.473.000	-	111.783.000	-
Đặt cọc, ký quỹ	65.031.604	-	-	-
Phải thu tiền lãi cho vay	18.016.438	-	7.890.410	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	56.955.651	-	49.950.361	-
Cộng	<u>247.476.693</u>	<u>-</u>	<u>169.623.771</u>	<u>-</u>

b, Dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
CTCP thương mại Thái Hưng	180.400.000.000	50.400.000.000
Cộng	<u>180.400.000.000</u>	<u>50.400.000.000</u>

Là khoản tiền hợp tác kinh doanh với bên liên quan là Công ty Cổ phần Thương mại Thái Hưng theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/HĐHTKD/TH-PHS ký ngày 03 tháng 03 năm 2019 và các phụ lục hợp đồng đính kèm. Theo đó Công ty Cổ phần Phát hành Sách Thái Nguyên và Công ty Cổ phần Thương mại Thái Hưng cùng nhau góp vốn kinh doanh để xây dựng, vận hành và khai thác dự án công trình: “Trường mầm non quốc tế IRIS và trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông IRIS”

6. Nợ xấu

	<u>Số cuối kỳ</u>			<u>Số đầu kỳ</u>		
	<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Công ty TNHH MTV Sách Việt Nam	Trên 3 năm	6.078.219	6.078.219	Trên 3 năm	6.078.219	6.078.219
Tổng Công ty Giấy Việt Nam	Từ 2 đến 3 năm	22.259.178	15.581.424	Từ 2 đến 3 năm	22.259.178	15.581.424
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG	Trên 3 năm	12.403.559	12.403.559	Trên 3 năm	12.403.559	12.403.559
Cộng		<u>40.740.956</u>	<u>34.063.202</u>		<u>40.740.956</u>	<u>34.063.202</u>

7. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu kỳ</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Hàng hóa	6.063.223.836	-	5.111.468.896	-
Cộng	<u>6.063.223.836</u>	<u>-</u>	<u>5.111.468.896</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4 NĂM 2020

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**8. Chi phí trả trước****a, Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Chi phí bảo hiểm	-	23.939.665
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	27.466.763	21.150.194
Cộng	27.466.763	45.089.859

b, Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	7.056.792.153	432.183.256
Cộng	7.056.792.153	432.183.256

9. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	12.172.868.998	935.651.491	979.802.335	14.088.322.824
Tăng trong kỳ từ kết chuyển xây dựng dở dang	2.577.192.817	-	-	2.577.192.817
Giảm trong kỳ do thanh lý tài sản	-	(755.680.909)	-	(755.680.909)
Số cuối năm	14.750.061.815	179.970.582	979.802.335	15.909.843.732
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	61.248.907	-	979.802.335	1.041.051.242
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	5.329.516.776	194.954.525	979.802.335	6.504.273.636
Khấu hao trong năm	607.821.119	71.977.364	-	679.798.483
Thanh lý, nhượng bán	-	(94.460.112)	-	(94.460.112)
Số cuối năm	5.937.337.895	172.471.777	979.802.335	7.089.612.007
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	6.843.352.222	740.696.966	-	7.584.049.188
Số cuối kỳ	8.812.723.920	7.498.805	-	8.820.222.725

10. Tài sản cố định thuê tài chính

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu kỳ	-	-	-
Tăng trong kỳ	692.638.978	-	692.638.978
Khấu hao trong kỳ	-	115.439.832	(115.439.832)
Số cuối kỳ	692.638.978	115.439.832	577.199.146

11. Tăng giảm tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính, chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu kỳ	168.000.000	168.000.000	-
Tăng trong kỳ	-	-	-
Khấu hao trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	168.000.000	168.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4 NĂM 2020

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Thái Minh Thành	71.483.640	71.483.640	125.884.221	125.884.221
Công ty CP VPP Bắc Hà	146.031.602	146.031.602		
Công ty TNHH Thanh Chương	48.901.518	48.901.518	229.805.697	229.805.697
Các nhà cung cấp khác	1.299.379.262	1.299.379.262	1.749.933.988	1.749.933.988
Cộng	1.565.796.022	1.565.796.022	2.105.623.906	2.105.623.906

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Dương Thị Nga		12.000.000
Quách Thị Thu Hằng		10.000.000
Các khách hàng khác	341.001	
Cộng	341.001	22.000.000

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Phải thu đầu kỳ	Phải nộp đầu kỳ	Số phải nộp phát sinh trong kỳ	Số đã nộp	Số phải nộp cuối kỳ	Số thuế nộp thừa cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	1.570.449	742.764.527	(611.995.588)	132.339.388	
Thuế TNDN	-	240.210.369	264.859.874	(340.350.369)	164.719.874	
Thuế TNCN	1.640.548	-	74.177.748	(72.537.200)		
Tiền thuê đất	96.450.032	-	178.879.327	(82.429.295)	-	
Thuế khác	-	-	4.000.000	(4.000.000)	-	
Cộng	98.090.580	241.780.818	1.264.681.476	(1.111.312.452)	297.059.262	

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi tiết số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được trình bày ở thuyết minh số V.10

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

15. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

Là Doanh thu nhận trước từ hoạt động cho thuê tài sản

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - CN Thái Nguyên	245.000.000	245.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội	37.272.717	570.909.090
Công ty CP Thương mại Thái Hưng	5.464.800.000	
Các khách hàng khác	4.000.000	50.909.085
Cộng	5.751.072.717	866.818.175

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4 NĂM 2020

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**16. Các khoản phải trả khác****a, Ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<i>Phải trả các bên liên quan</i>		
Thù lao hội đồng quản trị, Ban kiểm soát phải trả	114.372.000	114.372.000
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>		2.786.768
Các khoản phải trả ngắn hạn khác		2.786.768
Cộng	114.372.000	117.158.768

b, Dài hạn

Là khoản ký cược, ký quỹ của các hợp đồng cho thuê mặt bằng.

17. Quỹ khen thưởng phúc lợi

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Quỹ khen thưởng	38.176.250	38.176.250
Quỹ phúc lợi	38.176.250	38.176.250
Số cuối năm	76.352.500	76.352.500

18. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**a, Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn:**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Số có khả năng		Số có khả năng	
	Giá trị	trả nợ	Giá trị	trả nợ
Ngân hàng WoriBank – Chi nhánh				
Thái Nguyên	9.798.746.706	9.798.746.706	-	-
Cộng	9.798.746.706	9.798.746.706	-	-

Là khoản vay Ngân hàng WoriBank – Chi nhánh Thái Nguyên theo hợp đồng tín dụng số VN120003476 hạn mức 10.000.000.000VND ký ngày 25/06/2020.

	Số tiền vay		Số tiền vay đã	
	Số đầu kỳ	phát sinh trong kỳ	trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	-	10.221.926.057	423.179.351	9.798.746.706
Cộng	-	10.221.926.057	423.179.351	9.798.746.706

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4 NĂM 2020

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**b, Vay và nợ thuê tài chính dài hạn:**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng	Giá trị	Số có khả năng
		trả nợ		trả nợ
<i>Nợ thuê tài chính: Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng Á Châu – CN Hà Nội</i>	528.974.104	528.974.104	-	-
Cộng	528.974.104	528.974.104	-	-

(1) Là khoản vay Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng Á Châu – CN Hà Nội theo hợp đồng thuê tài chính số: 09.0520/HĐCTTC – STN. Giá trị tài sản thuê là: 619.560.000 đồng (bao gồm cả thuế GTGT 10%). Thời gian thuê: 48 tháng, lãi suất từng kỳ hạn điều chỉnh lãi suất do ACB Leasing thông báo.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Số tiền vay		Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
	Số đầu kỳ	phát sinh trong kỳ		
Nợ thuê tài chính	-	619.560.000	(90.585.896)	528.974.104
Cộng	-	748.962.615	(90.585.896)	528.974.104

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2020
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

19. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số đầu kỳ	65.000.000.000	29.736.000	205.199.847	464.211.628	2.527.661.199	68.226.808.674
Số phát sinh trong kỳ	130.000.000.000 (*)	-	-	-	870.477.423	130.000.000.000
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	870.477.423	870.477.423
Số dư cuối kỳ	195.000.000.000	29.736.000	205.199.847	464.211.628	3.398.138.622	199.097.286.097

➤ (*) Trong năm 2020: Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2020/STH/NQ-ĐHĐCĐ ngày 31 tháng 3 năm 2020 đã thông qua phương án phát hành tăng vốn cho cổ đông hiện hữu từ 65.000.000.000 VND lên 195.000.000.000 VND với nội dung cụ thể như sau:

Phát hành 13.000.000 cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu:

- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông.
 - Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần.
 - Khối lượng cổ phần phát hành thêm: 13.000.000 cổ phần.
 - Giá trị cổ phần phát hành tính theo mệnh giá: 130.000.000.000 VND (Một trăm ba mươi tỷ đồng).
 - Hình thức phát hành: Chào bán ra công chúng cho các cổ đông hiện hữu.
 - Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần.
 - Tỷ lệ phát hành 1:2 (cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu sẽ được quyền mua thêm 02 cổ phiếu mới).
- Phương án sử dụng vốn từ đợt phát hành
- Tổng số tiền dự kiến thu được từ đợt tăng vốn là 130.000.000.000 VND, ĐHĐCĐ thống nhất số tiền thu được từ đợt phát hành sẽ được sử dụng như sau:

STT	Phương án sử dụng vốn	Giá trị
1	Tăng vốn hợp tác kinh doanh để nâng tỷ lệ sở hữu tài sản đồng kiểm soát tại công trình: "Trường mầm non quốc tế Thái Hưng (IRIS) và trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông quốc tế Thái Hưng (IRIS)"	130.000.000.000
	Tổng tiền đầu tư	130.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4 NĂM 2020

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Nghị quyết hội đồng quản trị số 02/2020/PHS/NQ-HĐQT ngày 18 tháng 6 năm 2020 của Công ty Cổ phần Phát hành Sách Thái Nguyên đã sửa đổi, bổ sung làm rõ phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng. Cụ thể: Công ty sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng vào việc mua lại phần vốn đã đầu tư của Công ty Cổ phần Thương mại Thái Hưng nhằm tăng vốn góp hợp tác kinh doanh để nâng tỷ lệ sở hữu tài sản đồng kiểm soát, tiến tới sở hữu 100% giá trị tài sản của công trình Trường học quốc tế liên cấp IRIS trước khi hết hạn hợp tác kinh doanh. Việc nâng dần tỷ lệ sở hữu như trên sẽ giúp Công ty chủ động hơn trong việc quản lý tài sản, được hưởng phần lợi ích nhiều hơn từ hoạt động vận hành, khai thác trường học. Từ đó giúp Công ty gia tăng lợi nhuận từ mảng giáo dục và đào tạo trong thời gian tới.

➤ Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu ra công chúng số 08/2020/BCKQCB-STH ngày 28 tháng 9 năm 2020 đã ghi nhận kết quả chào bán cổ phiếu của Công ty Cổ phần Phát hành sách Thái Nguyên như sau:

- Tổng số cổ phiếu đã phân phối: 13.000.000 cổ phiếu, chiếm 100% tổng số cổ phiếu được phép chào bán
- Tổng số tiền thu từ việc bán cổ phiếu: 130.000.000.000 VND (Một trăm ba mươi tỷ đồng).

Chi tiết vốn đầu tư của Chủ sở hữu

Công ty Cổ phần Thương mại Thái Hưng	Số cuối kỳ	Tỷ lệ	Số đầu kỳ	Tỷ lệ
Bà Nguyễn Thị Vinh	36.000.000.000	18,46%	12.000.000.000	18,46%
Bà Nguyễn Thị Quy	21.550.200.000	11,05%	7.183.400.000	11,05%
Bà Bạch Phương Vinh	26.216.200.000	13,44%	8.149.000.000	12,54%
Ông Nguyễn Thượng Nguyên	21.546.000.000	11,05%	7.182.000.000	11,05%
Các cổ đông khác	89.687.600.000	46,00%	235.600.000	0,36%
Cộng	195.000.000.000	100,00%	30.250.600.000	46,54%
			65.000.600.000	100,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2020

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**b) Cổ phiếu**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	19.500.000	6.500.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	19.500.000	6.500.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>19.500.000</i>	<i>6.500.000</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	19.500.000	6.500.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>19.500.000</i>	<i>6.500.000</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	18.342.864.873	17.694.082.973
Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.095.718.664	2.694.939.404
Doanh thu	<u>22.438.583.537</u>	<u>20.389.022.377</u>

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chiết khấu thương mại	199.234.889	359.447.629
Hàng bán bị trả lại	9.407.596	9.460.072
Cộng	<u>208.642.485</u>	<u>368.907.701</u>

3. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	13.488.634.488	12.914.251.653
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	549.142.941	91.030.300
Cộng	<u>14.037.777.429</u>	<u>13.005.281.953</u>

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	158.734.026	81.058.207
Cộng	<u>158.734.026</u>	<u>81.058.207</u>

5. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	235.082.241	255.356.046
Cộng	<u>235.082.241</u>	<u>255.356.046</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4 NĂM 2020

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**6. Chi phí bán hàng**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	2.335.361.757	2.178.388.625
Chi phí vật liệu, bao bì	15.496.908	36.954.684
Chi phí khấu hao tài sản cố định	188.659.404	188.659.404
Chi phí dịch vụ mua ngoài	100.329.633	120.150.614
Các chi phí khác	98.561.159	348.673.906
Cộng	<u>2.738.408.861</u>	<u>2.872.827.233</u>

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	1.396.245.520	922.004.852
Chi phí khấu hao tài sản cố định	606.578.911	317.302.286
Thuế, phí và lệ phí	197.389.471	181.427.243
Chi phí dự phòng		(472.831.634)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	76.928.590	81.322.077
Các chi phí khác	1.914.351.002	649.763.407
Cộng	<u>4.191.493.494</u>	<u>1.678.988.231</u>

8. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thanh lý tài sản cố định	661.220.797	-
Thu nhập khác	32.505.183	63.348.200
Cộng	<u>693.725.980</u>	<u>63.348.200</u>

9. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí thanh lý tài sản cố định	661.220.797	
Phạt vi phạm hành chính, chậm nộp thuế	83.080.939	30.154.540
Chi phí khác		248.901
Cộng	<u>744.301.736</u>	<u>30.403.441</u>

10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.135.337.297	2.321.664.179
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		-
- Các khoản điều chỉnh tăng		-
- Các khoản điều chỉnh giảm		-
Thu nhập tính thuế	1.324.299.371	2.457.718.719
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	<u>264.859.874</u>	<u>491.543.744</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4 NĂM 2020

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	264.859.874	491.543.744

11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	870.477.423	1.830.120.435
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	870.477.423	1.830.120.435
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	19.500.000	200.000

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch với các bên liên quan****2. Số liệu so sánh**

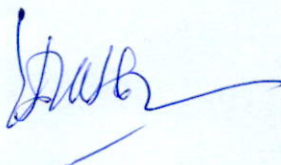
Số liệu so sánh là Báo cáo tài chính bán niên năm 2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán Nhân Tâm Việt.

Người lập biểu



Đỗ Thị Duyên

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Lan Hương

Lập ngày 20 tháng 01 năm 2021

Phó giám đốc



Lã Thị Mai Liên